**Sử Gia Trần Gia Phụng**

Những phụ nữ mở nước đâu tiên

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Những phụ nữ mở nước đâu tiên](%22%20%5Cl%20%22bm2)

**Sử Gia Trần Gia Phụng**

Những phụ nữ mở nước đâu tiên

Người phụ nữ Việt Nam mở nước đầu tiên không ai khác hơn là Hai Bà Trưng.  Tiểu sử cũng như sự nghiệp của Hai Bà đã được nói đến nhiều.  Có lẽ chỉ cần thêm một ý kiến về Hai Bà hầu như ít được nêu ra.  Đó là trong lịch sử thế giới, Hai Bà khởi nghĩa chống ngoại xâm năm 40 sau Công nguyên, là những bậc nữ lưu đầu tiên đứng lên tranh đấu giành độc lập cho đất nước, trước nữ anh hùng Jeanne d Arc (1412-143 của Pháp gần 14 thế kỷ.  Sau Hai Bà Trưng, trong số những phụ nữ mở nước, phải kể đến  các công chúa Huyền Trân, Ngọc Vạn và Ngọc Khoa.

1.-   CÔNG CHÚA HUYỀN TRÂN
Vào cuối thế kỷ 13, sau khi cùng liên kết đẩy lui cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ, mối giao hảo giữa Đại Việt và Chiêm Thành (Champa) khá tốt đẹp.  Tháng 2 năm tân sửu (130, nước Chiêm Thành gởi sứ giả và phẩm vật sang thăm viếng ngoại giao.  Khi đoàn sứ giả Chiêm Thành về nước, thái thượng hoàng Trần Nhân Tông đi theo.  Lúc đó thượng hoàng đã xuất gia đi tu, gặp khi rảnh rỗi, ông qua thăm Chiêm Thành, vừa để trả lễ, vừa để du ngoạn, từ tháng 3 đến tháng 11 âm lịch cùng năm.

Vua Chiêm Thành là Chế Mân (Jaya Simhavarman IV, trị vì 1287-1307), nguyên là thái tử Bổ Đích (Harijit), con đầu của vua Jaya Simhavarman III hay Indravarman XI (trị vì 1257-1287). Thời kháng Nguyên, vua Jaya Simhavarman III đã già, Bổ Đích nắm trọng trách điều khiển việc nước, và đã chỉ huy quân Chiêm đẩy lui lực lượng của Toa Đô (Sogatu).

Trong cuộc gặp gỡ với vua Chế Mân, Trần Nhân Tông hứa gả con gái mình là công chúa Huyền Trân cho Chế Mân. Có thể lúc đó Trần Nhân Tông muốn làm cho nền bang giao giữa hai nước Việt Chiêm bền vững qua cuộc hôn nhân nầy.  Lời hứa của thượng hoàng Trần Nhân Tông gặp nhiều phản bác về phía triều đình nước ta.  Thời đó, quan niệm khắc khe về phân biệt chủng tộc đã khiến cho các quan và cả Trần Anh Tông, vị vua đương triều, ngăn trở cuộc hôn nhân nầy.

Mãi đến khi Chế Mân quyết định tặng hai châu Ô và Rí (Lý) ở phía bắc Chiêm Thành làm sính lễ, Trần Anh Tông mới nhận lời, và lễ cưới diễn ra năm 1306 (Bính Ngọ).  Năm 1307 (Đinh Mùi), Trần Anh Tông đổi châu Ô thành Thuận Châu [Thuận = theo, theo lẽ phải], châu Lý thành Hóa Châu [Hóa = thay đổi, dạy dỗ].  So với ngày nay, Thuận Châu từ phía nam tỉnh Quảng Trị và phía Bắc tỉnh Thừa Thiên ngày nay; Hóa Châu gồm phần còn lại của tỉnh Thừa Thiên và phía bắc tỉnh Quảng Nam ngày nay; diện tích tổng cộng vùng đất nầy khoảng 10.000 km2.

Huyền Trân được vua Chế Mân phong tước hoàng hậu Paramecvari.  Đám cưới được hơn một năm, Chế Mân từ trần (1307).  Vua Trần Anh Tông thương em, sợ Huyền Trân bị đưa lên giàn hỏa thiêu chết theo chồng trong tục lệ Chiêm Thành,( nên nhà vua cho tướng Trần Khắc Chung (tức Đỗ Khắc Chung) sang Chiêm lấy cớ viếng tang, rồi lập mưu đưa Huyền Trân và con là Đa Da trở về Đại Việt.(2) Theo Đại Nam nhất thống chí, quyển 16 viết về tỉnh Nam Định, sau khi trở về nước, Huyền Trân công chúa đã đến tu ở chùa Nộn Sơn, xã Hổ Sơn, huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.  Sách nầy không cho biết chính xác thời điểm công chúa đi tu, nghĩa là công chúa đã đi tu ngay khi về nước hay sau khi đã về già?(3)  Số phận hoàng tử Đa Da không được sử sách nhắc đến.

Cuộc hôn nhân Huyền Trân và Chế Mân tượng trưng cho sự phát triển một cách hòa thuận về phương nam theo truyền thống sống cùng và để người khác cùng sống của người Việt.  Sự hy sinh của công chúa Huyền Trân đã được một tác giả vô danh đề cao trong một bài ca Huế theo điệu nam bình rất được truyền tụng cho đến ngày nay:

Nước non ngàn dặm ra đi, mối tình chi,
Mượn màu son phấn, đền nợ Ô Ly,
Đắng cay vì, đương độ xuân thì,
Số lao đao hay nợ duyên gì?
Má hồng da tuyết, quyết liều như hoa tàn trăng khuyết,
Vàng lộn với chì,
Khúc ly ca cớ sao mà mường tượng Nghê thường!
Thấy chim hồng nhạn bay đi, tình tha thiết.
Bóng dương hoa quỳ
Nhắn một lời Mân quân, nay chuyện mà như nguyện,
Đặng vài phân, vì lợi cho dân,
Tình đem lại mà cân,
Đắng cay trăm phần...(4)

2.-   CÔNG CHÚA NGỌC VẠN
Vào đầu thế kỷ 17, sau khi Nguyễn Hoàng từ trần năm 1613, con là Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên, lúc đó 51 tuổi (tuổi ta), lên kế vị và cầm quyền ở Đàng Trong từ 1613 đến 1635. Theo di mệnh của Nguyễn Hoàng, Sãi Vương quyết xây dựng Đàng Trong thật vững mạnh để chống lại chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.  Do đó, ông giao hảo với các nước phương nam để củng cố vị thế của ông.

Phía nam nước ta là Chiêm Thành và Chân Lạp (tức Cambodia ngày nay). Lúc đó, vua Chân Lạp mới lên ngôi là Chey Chetta (trị vì 1618-1628).  Ông nầy muốn kết thân với chúa Nguyễn để làm thế đối trọng với vua Xiêm La (Siam tức Thái Lan ngày nay), nên đã cầu hôn với con gái Sãi Vương.

Không có sử sách nào ghi lại diễn tiến đưa đến cuộc hôn nhân nầy.  Có thể vì ngày trước, quan niệm người Chân Lạp là man di, nên các sách sử nhà Nguyễn tránh không ghi lại việc nầy.  Bộ Đại Nam liệt truyện tiền biên, khi ghi chép về các con gái của Sãi Vương, đến mục „Ngọc Vạn“, đã ghi rằng: „Khuyết truyện“ tức thiếu truyện, nghĩa là không có tiểu sử.  Gần đây, bộ gia phả mới ấn hành năm 1995 của gia đình chúa Nguyễn cho biết là vào năm 1620 (canh thân) Sãi Vương gả người con gái thứ nhì là Nguyễn Phúc Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Chey-Chetta II.(5)

Ba năm sau cuộc hôn nhân của Ngọc Vạn, Sãi Vương cử một sứ bộ sang Chân Lạp xin vua Chey-Chetta II  nhượng khu dinh điền ở vùng Mô Xoài, gần Bà Rịa ngày nay.  Nhờ sự vận động của hoàng hậu Ngọc Vạn, vua Chân Lạp đồng ý cho người Việt đến đó canh tác.  Đây là lần đầu tiên người Việt chính thức đặt chân lên đất Chân Lạp, và Mô Xoài là bàn đạp để người Việt dần dần tiến xuống đồng bằng sông Cửu Long.

Chồng công chúa Ngọc Vạn, vua Chey-Chetta II từ trần năm 1628.  Từ đó triều đình Chân Lạp liên tục xảy ra cuộc tranh chấp ngôi báu giữa các hoàng thân.  Năm 1658 (mậu tuất) hai hoàng thân So và Ang Tan nổi lên đánh vua Chân Lạp lúc bấy giờ là Nặc Ông Chân (trị vì 1642-1659), nhưng thất bại, xin nhờ thái hậu Ngọc Vạn giúp đỡ.  Thái hậu Ngọc Vạn chỉ cách cho hai người nầy cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn lúc bấy giờ là Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần, cháu gọi thái hậu Ngọc Vạn bằng cô ruột, liền cử phó tướng Tôn Thất Yến (hay Nguyễn Phúc Yến), đang đóng ở Phú Yên (dinh Trấn Biên), đem 3.000 quân qua giúp, bắt được Nặc Ông Chân ở vùng Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay), đưa về giam ở Quảng Bình vì lúc đó nhà chúa đang hành quân ở Quảng Bình. Tại đây, Nặc Ông Chân từ trần năm 1659.(6)

Chúa Nguyễn phong So lên làm vua Chân Lạp tức Batom Reachea (trị vì 1660-1672).  Từ đó, nước ta càng ngày càng can thiệp vào công việc của Chân Lạp và đưa người thâm nhập nước nầy, dần dần tiến đến sinh sống tận mũi Cà Mau như ngày nay.

Như thế, đã hai lần bà Ngọc Vạn đã dẫn đường cho người Việt mở đất về phương nam. Lần thứ nhất sau cuộc hôn nhân năm 1620 và lần thứ nhì trong cuộc tranh chấp nội bộ vương quyền Chân Lạp năm 1658.

3.-   CÔNG CHÚA NGỌC KHOA

Như trên đã viết, Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên có bốn cô con gái.  Hai người lớn nhất và trẻ nhất có chồng Việt. Người thứ nhì là công chúa Ngọc Vạn kết hôn với vua Chân Lạp.  Vậy số phận cô công chúa thứ ba tên là Nguyễn Phúc Ngọc Khoa như thế nào mà trong Đại Nam liệt truyện tiền biên, tiểu truyện của Ngọc Khoa cũng đề là „khuyết truyện“ ?

May thay, sách Nguyễn Phúc tộc thế phả, do chính Hội Đồng Nguyễn Phúc tộc viết lại, đã chép rằng:"...Năm Tân Mùi [1631] bà [Ngọc Khoa] được đức Hy Tông [Sãi Vương] gả cho vua Chiêm Thành là Pôrômê. Nhờ có cuộc hôn phối nầy mà tình giao hảo giữa hai nước Việt Chiêm được tốt đẹp (7)

Vấn đề không đơn giản chỉ là tình giao hảo giữa hai nước, mà lý do cuộc hôn nhân nầy còn sâu xa hơn nhiều.

Thứ nhất, chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc vừa mới bùng nổ năm đinh mão (1627) tại vùng Bố Chính (Quảng Bình ngày nay).

Thứ nhì, năm 1629, lưu thủ Phú Yên là Văn Phong (không biết họ) liên kết vơi người Chiêm Thành nổi lên chống lại chúa Nguyễn. Sãi Vương liền cử Phó tướng Nguyễn Hữu Vinh, chồng của công chúa Ngọc Liên, đem quân dẹp yên, và đổi phủ Phú Yên thành dinh Trấn Biên.(8) Sãi Vương rất lo ngại nếu ở phía nam, Chiêm Thành mở cuộc chiến tranh chống chúa Nguyễn thì ông sẽ lâm vào tình trạng“lưỡng đầu thọ địch“.

Thứ ba, vào cuối thế kỷ 16, người Chiêm Thành thường buôn bán với người Bồ Đào Nha ở Macao, thuộc địa của Bồ trên đất Trung Hoa. Thương thuyền Bồ Đào Nha hay ghé buôn bán trao đổi với người Chiêm ở các hải cảng Cam Ranh và Phan Rang.(9)  Do đó, nếu triều đình Chiêm Thành liên kết với người Bồ Đào Nha để chống lại Đại Việt, thì thật là nguy hiểm chẳng những cho chúa Nguyễn và nguy hiểm cho cả nước ta.  Điều nầy làm cho chúa Nguyễn lo ngại, nhất là khi Pô Ro mê là một người anh hùng, lên làm vua Chiêm Thành (trị vì 1627-165.(10)

Có thể vì các nguyên nhân trên, Sãi Vương quyết định phải dàn xếp với Chiêm Thành, và đưa đến cuộc hôn nhân hòa hiếu Việt Chiêm năm 1631 giữa Ngọc Khoa, con của Sãi Vương, với vua Chiêm là Poromê, nhắm rút ngòi nổ của phía Chiêm Thành, bảo đảm an ninh mặt nam.

Các sách tây phương ghi nhận rằng không hiểu vì sao, sau năm 1639 thì cuộc giao thương giữa Chiêm Thành và người Bồ Đào Nha không còn được nghe nói đến nữa.(1  Phải chăng việc nầy là hậu quả của  chuyện công chúa Ngọc Khoa sang làm hoàng hậu Chiêm Thành tám năm trước đó (163?

Sử sách không ghi lại là bà Ngọc Khoa đã làm những gì ở triều đình Chiêm Thành, chỉ biết rằng truyền thuyết cũng như tục ngữ Chiêm Thành đều có ý trách cứ, nếu không muốn nói là phẫn nộ, cho rằng bà Ngọc Khoa đã làm cho vua Pô Ro mê trở nên mê muội và khiến cho nước Chiêm sụp đổ.

Trong sách Dân tộc Chàm lược sử, hai ông Dohamide và Dorohiem cho biết theo lời của một vị "Pô Thea", người phụ trách giữ tháp Pô Ro mê, kể cho tác giả E. Aymonier câu chuyện rằng vua Pô Ro mê có ba vợ.  Bà vợ đầu là Bia Thanh Chih, con của vị vua tiền nhiệm đã truyền ngôi cho Pô Ro mê.  Bà nầy không có con.  Pô Ro mê cưới người vợ thứ nhì là một cô gái gốc Ra đê, tên là Bia Thanh Chanh.  Bà nầy sinh được một công chúa, sau gả cho hoàng thân Phik Chơk.  Hoàng thân Phik Chơk lại "liên kết với vua Yuôn [chỉ người Việt] và cho triều đình Huế rõ nhược điểm trong tâm tánh của Pô Ro mê: sự yếu đuối trước sắc đẹp mỹ nhân. Vua Yuôn đã cho một công chúa thật đẹp giả dạng làm khách thương sang nước Chàm. Do sự sắp xếp khéo léo, tin tức về nữ khách thương duyên dáng ngoại bang nầy đến tai Pô Ro mê, nên Pô Ro mê đã cho dời đến và khi vừa thấy mặt thì đã phải lòng ngay.  Người Chàm gọi vị công chúa Yuôn nầy là Bia Ut hay Nữ Hoàng Ut cũng thế. (12)

Theo truyền thuyết Chiêm Thành, bà Ngọc Khoa hay Bia Ut đã dùng sắc đẹp mê hoặc Pô Ro mê, khiến ông chặt bỏ cây "kraik", biểu tượng thiêng liêng của vương quốc Chiêm Thành, vì vậy sau đó vương quốc nầy sụp đổ.(13)  Dân chúng Chàm thường truyền tụng câu đố: "Ô hay ngài linh thiêng, rước vợ từ kinh, lim ngài mất ứng."(Sanak jak po ginrơh patrai, tok kamei Ywơn mưrai kraik po lihik ginrơh).  Ngoài ra, người Chàm còn dùng tên bà Bia Ut trong một câu thành ngữ để mỉa mai những phụ nữ béo mập: "Béo như bà Ut " (Limuk you Bia Ut).(14)

Ngoài việc thần linh hóa câu chuyện, truyền thuyết trên đây đã phản ảnh một phần sự thật lịch sử, đó là nước Chiêm Thành, một lần nữa suy yếu hẳn đi sau cuộc hôn nhân Việt Chiêm năm 1631, nhờ đó, người Việt nhanh chóng vượt qua Chiêm Thành, xuống đồng bằng sông Cửu Long.

Như thế, hai công chúa Ngọc Khoa và Ngọc Vạn, tuy không chính thức đem lại đất đai về cho đất nước như công chúa Huyền Trân, nhưng cả hai đều đã mở đường cho cuộc Nam tiến, và quả thật khoảng một thế kỷ sau đó, chúa Nguyễn đã mở rộng biên cương về phía nam như địa hình nước Việt ngày nay.

Trong lịch sử, những chiến công oanh liệt để bảo vệ đất nước và mở nước ở dạng bùng nổ luôn luôn được ghi nhận đầy đủ, nhưng những cuộc mở nước âm thầm như việc làm của các bậc nữ lưu trên đây ít được chú ý đến.  Thi sĩ Pierre Corneille (Pháp, 1606-1684), trong kịch phẩm cổ điển Le Cid, đã viết: „A vaincre sans péril, on triomphe sans gloire“ (Chiến thắng không gian nguy thì khải hoàn không vinh dự).  Tuy nhiên những cuộc mở nước êm đềm, không tốn xương máu của dân tộc, thì chỉ có những bậc nữ lưu can đảm và anh hùng như trên mới có thể thực hiện.

  CHÚ THÍCH:
1.         Nghi lễ vợ hỏa thiêu theo chồng trong Ấn giáo gọi là trà tỳ (suttee), còn thịnh hành ở Ấn Độ cho đến khi người Anh cai trị và bãi bỏ vào năm 1829.
2.         Đại Việt sử ký toàn thư [chữ Nho], Hà Nội: bản dịch Nxb. Khoa học Xã hội, 1993, tập 2, tr. 91.
3.         Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, bản dịch tập 3 của Viện Sử học, Huế: Nxb. Thuận Hoá tái bản, 1997, tr. 358.
4.         Phạm Văn Sơn, Việt sử tân biên, Trần Lê thời đại [Quyển 2], Nxb. Văn Hữu Á Châu, Sài Gòn, 1959, tt. 272-273.
5.         Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, Nguyễn Phúc tộc thế phả, Huế: Nx. Thuận Hóa, 1995, tt. 113-114, 126.  Trần Trọng Kim trong VNSL bỏ qua sự kiện nầy.  Trong Việt sử xứ Đàng Trong,  Phan Khoang chép việc nầy nhưng không đưa tên công chúa Ngọc Vạn.  Trong phần chú thích, ông viết : "Việc nầy sử ta đều không chép, có lẽ các sử thần nhà Nguyễn cho là việc không đẹp nên giấu đi chăng? "  Sau đó, Phan Khoang cẩn án rằng: "...Xem Liệt truyện tiền biên, mục công chúa, thấy chúa Hy Tông có bốn con gái, hai nàng Ngọc Liên và Ngọc Đảnh thì có chép rõ sự tích chồng con, còn hai nàng Ngọc Vạn, Ngọc Khoa thì chép là "khuyết truyện", nghĩa là không rõ tiểu truyện, tức là không biết chồng con như thế nào.  Vậy người gả cho vua Chey Chetta II phải là Ngọc Vạn hay Ngọc Khoa." (Phan Khoang, Việt sử xứ Đàng Trong [Sài Gòn], Houston: Nxb. Xuân Thu tái bản không đề năm, gồm 2 quyển thượng và hạ, đánh số trang xuyên suốt từ q. thượng qua q. hạ, tt. 400-40  Phan Khoang có lý khi viết như vậy.  Về khu dinh điền, sách Thế phả  (tr. 113) nói vùng Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay).  Sách của Phan Khoang (trang 40 viết là Prey Kôr tức Sài Côn hay Sài Gòn ngày nay, nhưng dựa vào lời tấu trình của Nguyễn Cư Trinh năm 1755, nói rằng người Việt vào Hưng Phước, Đồng Nai (nói chung là Phước Long), rồi mới đến Sài Côn, vậy Thế phả đúng.
6.         Phan Khoang, "Cuộc tranh giành ảnh hưởng ở nước Chân Lạp giữa Tiêm La và các chúa Nguyễn" , đăng trên tập sang Sử Địa, số 14, Sài Gòn: 1969, tr. 78.  Phan Khoang dựa vào tài liệu của người Pháp viết như trên.  Các sách trước đây chép rằng Nặc Ông Chân chịu thần phục nên được Hiền Vương cho đưa về nước tiếp tục cai trị.
7.         Thế phả, sđd. tr. 126.
8.         Trấn Biên: thường được dùng để đặt tên cho những dinh vùng biên giới.  Khi biên giới được mở rộng, dinh Trấn Biên xuống đến vùng Biên Hòa ngày nay.  Nguyễn Phúc Vinh:  tên thật là Mạc Cảnh Vinh, con của Mạc Cảnh Huống, có vợ là Nguyễn Phúc Ngọc Liên, con gái đầu của Sãi Vương, nên được đổi qua quốc tính là Nguyễn Phúc.
9.         Pierre Bernard Lafont, "On the Relations Between Champa and Southeast Asia", đăng trong sách Proceedings of the Seminar on Champa, gồm những bài thuyết trình trong cuộc hội thảo quốc tế về Chiêm Thành tại đại học Copenhagen (Đan Mạch) ngày 23-5-1987.  Sách nầy nguyên bản bằng Pháp văn, do Hội Nghiên cứu Lịch sử và Văn hóa Bán đảo Đông Dương, Paris ấn hành năm 1988, đã được giáo sư Huỳnh Đình Tế dịch sang Anh văn, ấn hành tại California, Nxb. Southeast Asia Community Resource Center (viết tắt SACRC), 1994, tr. 73.
10.       Pô Ro mê là một vị vua anh hùng của Chiêm Thành, cai trị khá lâu nước nầy trong thời gian 24 năm (1627-165.  "Với những chiến công hiển hách được tô thêm nhiều chi tiết huyền thoại, Pô Ro mê đã được người dân Chàm thần linh hóa..." (Dohamide và Dorohiem, Dân tộc Chàm lược sử, Sài Gòn: 1965. tr. 147.)
11.       Pierre Bernard Lafont, bđd., sđd. tr. 73.
12.       Dohamide và Doroheim, sđd. tr. 149.
13.       Ngô Văn Doanh, Tháp cổ Chămpa, Sự thật & Huyền thoại, Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin, 1994, tt. 187-196.
14.       Inrasara, Văn học dân gian Chăm, tục ngữ - thành ngữ - câu đố, TpHCM: Nxb. Văn hóa Dân tộc, 1995, tr. 201, 230.  [Tác giả Insara có tên Việt là Phú Trạm.]

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: cadao.com
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 25 tháng 1 năm 2005